

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 9 - 2019

“V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nga;
- Ông Nguyễn Quốc Trị

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87 /2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm: 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 3, thôn U, xã A, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Đức T**, sinh năm: 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P, trình bày:* Chị P và anh T kết hôn năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khi sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do anh T hay ghen tuông thường xuyên đánh chị P nhiều lần. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Đức N, sinh ngày: 07/7/2012; hiện cháu N đang ở với anh T, chị P yêu cầu được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

* *Tại bản tự khai ngày 20/8/2019, phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Đức T trình bày:* Qua lời trình bày trên của chị P, tôi công nhận là đúng về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn tôi, tôi đồng ý ly hôn.

- Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Đức N, sinh ngày: 07/7/2012; hiện cháu N đang ở với tôi, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:* Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ P; Tuyên xử chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Phạm Đức T thuận tình ly hôn; giao cháu Phạm Đức N, sinh ngày 07/7/2012 cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mỹ P chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Mỹ P được quyền đến thăm chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Phạm Đức T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 14/5/2012, theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy chị P và anh T kết hôn năm 2012, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông, nhiều lần anh T đánh chị P, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục nên chị P dẫn cháu N về nhà cha mẹ đẻ ở xã A, huyện S sống từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, chị P và anh T đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Xét thấy việc tự nguyện ly hôn của chị P và anh T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị P, anh T. Theo qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung là cháu Phạm Đức N, sinh ngày: 07/7/2012, chị P, anh T đều có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu N đang sống cùng anh T, cháu hiện đang học tại trường Phổ thông cơ sở E, tại lời khai ngày 15/8/2019 và tại phiên tòa cháu N yêu cầu được ở với anh T khi chị P, anh T ly hôn. Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo về tình cảm, tinh thần, về việc học tập của cháu N cần giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng giáo dục, tạm thời chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở, theo qui định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Phạm Đức T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Đức N, sinh ngày: 07/7/2012 cho anh Phạm Đức T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mỹ P chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Mỹ P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Không giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004368 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam